

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về tên, ký mã hiệu, nhãn hiệu cụ thể của hàng hóa.

Hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên gói thầu: “Gói thầu 2: Mua vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật”
- Tên dự toán: “Mua vật tư, hóa chất phòng thí nghiệm; mua vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; mua nguyên vật liệu; mua vật tư, thức ăn, thuốc trị bệnh thủy sản; mua cây giống, hạt giống; mua con giống thủy sản; mua sắm và lắp đặt thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ mô hình trình diễn và các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2026”
- Địa điểm cung cấp: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao, Địa chỉ: Ấp 1 - xã Nhuận Đức - Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày.
- Ngân sách: Ngân sách nhà nước năm 2026
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh thông thường, qua mạng

- Quy mô gói thầu: Cung cấp hàng hóa chi tiết nêu tại Phạm vi cung cấp Mẫu số 01A (webform trên Hệ thống).

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1 Yêu cầu chung

2.1.1. Tình trạng hàng hóa

- Hàng hóa cung cấp phải **mới 100%**, chưa qua sử dụng, chưa qua sửa chữa hoặc tân trang.
- Hàng hóa được sản xuất và lưu hành hợp pháp theo quy định của pháp luật tại thời điểm giao hàng.
- Không chấp nhận hàng hóa đã qua sử dụng, hàng thanh lý hoặc hàng không rõ nguồn gốc.

2.1.2. Nguồn gốc xuất xứ:

- Nhà thầu phải kê khai rõ: tên hàng hóa, hãng sản xuất (nếu có), nước sản xuất, mã sản phẩm (nếu có).
- Hàng hóa phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng theo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với yêu cầu của HSMT.

2.1.3. Tiêu chuẩn chất lượng

- Hàng hóa phải đáp ứng các đặc tính, thông số kỹ thuật nêu tại danh mục chi tiết.
- Đối với phân bón, chế phẩm sinh học, chế phẩm vi sinh hoặc sản phẩm có thành phần hoạt chất: Phải bảo đảm các chỉ tiêu chất lượng, thành phần, hàm lượng hoạt chất (nếu có), điều kiện bảo quản theo công bố của nhà sản xuất.
- Đối với hàng hóa là vật tư, dụng cụ, phụ kiện: Phải bảo đảm phù hợp mục đích sử dụng, tương thích với hệ thống hoặc thiết bị liên quan (nếu có yêu cầu tại danh mục chi tiết).
- Nhà thầu phải cung cấp Tài liệu thể hiện các thông số cơ bản để chứng minh sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật:
 - Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (catalogue, brochure, datasheet hoặc tài liệu tương đương).
 - Trường hợp hàng hóa không có catalogue/brochure, nhà thầu được phép cung cấp bản mô tả kỹ thuật do nhà sản xuất hoặc nhà thầu lập, trong đó phải thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật cơ bản để chứng minh sự đáp ứng yêu cầu của HSMT. Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các nội dung đã kê khai; các thông tin

này là cơ sở để đối chiếu, kiểm tra và nghiệm thu khi cung cấp hàng hóa.

- Thông tin về điều kiện bảo quản (đối với hàng hóa có yêu cầu bảo quản).

2.1.4. Hạn sử dụng

- Đối với phân bón, chế phẩm sinh học, thuốc bảo vệ thực vật và hàng hóa có quy định hạn sử dụng: hạn sử dụng còn lại tại thời điểm giao hàng phải $\geq 50\%$ hạn sử dụng hoặc ≥ 12 tháng (tùy điều kiện nào dài hơn) trừ trường hợp danh mục chi tiết có quy định khác. Trường hợp nhà sản xuất không quy định thời hạn sử dụng cụ thể, nhà thầu phải cam kết hàng hóa còn mới, đảm bảo hiệu quả sử dụng theo tiêu chuẩn công bố.
- Đối với hàng hóa không có quy định hạn sử dụng: nhà thầu phải cam kết hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng và bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

2.1.5. Bao gói, bảo quản và vận chuyển

- Hàng hóa phải được đóng gói nguyên đai, nguyên kiện theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (đối với hàng hóa có bao gói thương mại).
- Bao bì phải bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển, bốc xếp và lưu kho.
- Đối với hàng hóa có yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt (như bảo quản lạnh, tránh ánh sáng, chống ẩm...), nhà thầu phải bảo đảm điều kiện vận chuyển và giao hàng phù hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

2.1.6. Nhãn hàng hóa:

Hàng hóa thuộc đối tượng phải ghi nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa phải có nhãn, thể hiện tối thiểu các nội dung sau:

- Tên hàng hóa;
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa;
- Xuất xứ hàng hóa;
- Số lô (nếu có);
- Ngày sản xuất, hạn sử dụng (đối với hàng hóa có quy định về hạn sử dụng).

Nội dung nhãn thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành; trường hợp hàng hóa nhập khẩu hoặc hàng hóa đặc thù, được phép sử dụng nhãn gốc kèm nhãn phụ theo quy định.

Đối với hàng hóa không thuộc đối tượng phải ghi nhãn (như vật tư rời, hàng gia công, thiết bị lắp ghép không có bao gói thương mại...):

- Không bắt buộc phải có nhãn hàng hóa;
- Tuy nhiên, nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các thông tin để nhận diện hàng hóa, bao gồm:
 - o Tên hàng hóa;
 - o Xuất xứ;
 - o Nhà sản xuất hoặc đơn vị cung cấp (nếu có);

2.1.7 Yêu cầu pháp lý chuyên ngành đối với phân bón

- Hàng hóa thuộc nhóm phân bón, chế phẩm sinh học, chế phẩm vi sinh hoặc sản phẩm bảo vệ thực vật phải đáp ứng quy định của pháp luật chuyên ngành tại thời điểm giao hàng.
- Trường hợp pháp luật quy định phải được phép lưu hành hoặc thuộc danh mục được phép sử dụng thì nhà thầu phải bảo đảm hàng hóa đáp ứng điều kiện đó.
- Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hàng hóa cung cấp; trường hợp hàng hóa không đủ điều kiện lưu hành theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, nhà thầu phải thu hồi và thay thế bằng hàng hóa hợp pháp, bảo đảm tiến độ thực hiện hợp đồng.

2.2 Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

Stt	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt
1	CaCO ₃	Thành phần: CaO 55% min; SiO ₂ : 0,1% max; MgO: 0,5% max; Fe ₂ O ₃ : 0,03% max; Al ₂ O ₃ : 0,03% max	Kg
2	Ống nước mềm phi 34	Bằng nhựa dẻo, dễ uốn cong, đường kính 34mm, màu xanh, gồm 2 lớp nhựa PVC và 1 lớp Polyester	Cuộn 50m
3	Dinh dưỡng thủy canh	Dung dịch A: N: 37,51g/l, Ca: 43,54g/l, K ₂ O: 39,77 g/l, Fe: 0,98g/l. Dung dịch B: P ₂ O ₅ : 10,50 g/l, NH ₄ (N): 2,00g/l, S: 6,68 g/l, Mg: 5,00g/l và các nguyên tố trung vi lượng	Lít
4	Ổ cắm điện	Lõi sứ chịu nhiệt, chống cháy, tự động ngắt khi quá tải, công suất 2200 W, 6 lỗ 3 chấu	Cái

5	Phân bón gốc hữu cơ	Hữu cơ tổng số: > 50%. NPK tự nhiên: 4 – 3 – 3. Độ ẩm: 22–25%	Bao 15kg
6	Phân bón lá AminoQuelant - minors	Thành phần: Amino Axit: 5%; Fe: 3%; N: 2,8%; Zn: 1,%; Mn: 1%; Mg: 0,5%; B: 0,02%; Cu: 0,01%; Mo: 7 ppm	Chai 1 lít
7	Đất nền	Hữu cơ: 9,5 - 10%, axit humic. - Các hợp chất: Humat, enzymes... - Tro thảo mộc. - Cao lạnh tinh khiết.	Bao 2kg
8	Đất sét (đất thịt)	Đất Thịt Phù Sa giàu hữu cơ, 100% nguồn đất thịt tự nhiên	Bao 15kg
9	Phân trùn quế	100% trùn quế. Độ ẩm: 30 - 40%.	Kg
10	Mùn cưa	Mùn cưa từ cây cao su	Kg
11	Than bùn	Cỡ hạt (max) 0,5 mm. Độ ẩm (max) 25%.	Kg
12	Chậu nhựa Ø12	Chậu trồng lan Ø12, màu đen, chất liệu nhựa.	Cái
13	Than củi	Than củi trồng lan đã qua xử lý kích thước 5 - 10 cm	Kg
14	Vỏ dừa cắt khúc 6cm	Vỏ dừa khô được cắt khúc sẵn kích thước 5-7 cm. Đã qua xử lý.	Kg
15	Bẫy dính côn trùng	Bẫy màu vàng. Bẫy dạng tấm có kích thước 15 x 25 cm, keo hai mặt. Có lỗ để móc, treo	Cái
16	Growmore 30:10:10	N: 30%; P2O5: 10%; K2O: 10%; ; Ca: 0.05%; Mg: 0.1%, S: 0.02%, B: 0.02%, Fe: 0.1%, Zn: 0.05%; Cu: 0.05%	Gói 1kg
17	Growmore 20:20:20	N: 20%; P2O5: 20%; K2O: 20%. Mg: 0.1%, S: 0.2%, B: 0.02%, Fe: 0.1%, Zn: 0.05%; Cu: 0.05%; Ca: 0.05%	Gói 1kg
18	Growmore 6:30:30	N 6%; P2O5 30%; K2O 30% + TE	Gói 1kg
19	Confidor 200SL	Thành phần: Imidacloprid: 200 g/l	Chai 100ml
20	Viper 50EC	Thành phần: Permethrin 50%	Chai 1 lít
21	Ridomil Gold 68WG	Metalxyl M 40g/kg, Mancozeb 640g/kg, Phụ gia và dung môi 320 g/kg	Gói 100g

22	Thuốc diệt ốc Toxbait 60AB	Thành phần: Metaldehyde 60 g/kg	Gói 1kg
23	Vỏ đậu phộng	100% vỏ đậu phộng	Bao
24	Phân Hi-control 14-13-13	N: 14%; P2O5: 13%; K2O: 13%; S: 4%.	Bao 10kg
25	Phân cá Alaska	N: 5%; P2O5: 1%; K2O: 1%; Ca: 0.01%; Mg: 0.1%; S: 0.5%; Na: 1%; Zn: 5ppm; Mn: 5ppm; Cu: 5ppm	Chai 500ml
26	Terra-Sorb 4	Thành phần: Amino acid: 6%; N: 3%; P2O5: 1%; K2O: 2%	Chai 1 lít
27	Phân hữu cơ Dynamic Lifter	Hữu cơ $\geq 39\%$; N: $\geq 3,3\%$; P2O5: $\geq 2,9\%$; K2O: $\geq 2\%$	Bao 25kg
28	Ortus 5SC	Hàm lượng: Fenpyroximate 5%	Chai 100ml
29	Movento 150 OD	Thành phần: Spirotetramat: 150 g/L. Phụ gia: 850 g/L	Chai 100ml
30	Anvil 5SC	Hàm lượng: Hexaconazole 50 g/l	Chai 1 lít
31	Kasumin 2SL	Thành phần: Kasugamycin 2%	Chai 425ml
32	Chậu trắng Ø3.5	Chậu trồng Hồ điệp Ø3.5, màu trắng, chất liệu nhựa dẻo.	Cái
33	Dón mềm	Thành Phần: Rêu rừng	Kg
34	Growmore 30:10:10	N: 30%; P2O5: 10%; K2O: 10%; ; Ca: 0.05%; Mg: 0.1%, S: 0.02%, B: 0.02%, Fe: 0.1%, Zn: 0.05%; Cu: 0.05%	Chai 100g
35	Growmore 20:20:20	N: 20%; P2O5: 20%; K2O: 20% + TE	Chai 100g
36	Growmore 6:30:30	N 6%; P2O5 30%; K2O 30% + TE	Chai 100g
37	Ascend 20 SP	Acetamiprid 20%	Gói 100g
38	Giá thể gieo hạt	Thành phần: 100% cây rong thủy đài. Độ pH : 6.0.	m3
39	Alfatin 1,8 EC	Abamectin 1,8%	Chai 500ml
40	Mụn dừa	Mụn dừa đã qua xử lý	m3
41	Trấu hun	Trấu hun là một loại tro đốt từ vỏ trấu tươi, theo công nghệ hiếm khí, còn nguyên cánh	m3
42	Bịch ươm cây	Kích thước 9 x 16 cm; Màu sắc: đen; Chất liệu: nhựa PE.	Kg

43	Kéo cắt cành	Chất liệu: thép SK5. Chiều dài của kéo ≥ 21 cm. Chiều dài lưỡi kéo: $\geq 7,5$ cm	Cái
44	Supe lân	Thành phần: P2O5 tự do: $\leq 4\%$, P2O5 hữu hiệu: 16 - 16,5%, lưu huỳnh (S): 11%. Hàm ẩm: $\leq 13\%$	Kg
45	Phân NPK 16-16-8	Thành phần: N: 16%; P2O5: 16%; K2O: 8%. Độ ẩm: $\leq 2,5\%$	Kg
46	Thuốc trừ cỏ	Glufosinate ammonium 150 g/L. Thuốc thuốc trừ cỏ nội hấp, không chọn lọc, diệt được nhiều nhóm cỏ	Chai 900ml
47	Túi bao quả ổi	Kích Thước 16*20-cm. Đầy Đủ Thun Xốp Bì Đã Lồng Sẵn	Kg
48	Túi lưới bao trái chần côn trùng (40 x 50 cm)	Kích thước 40x50mm. Chất liệu: vải không dệt	Cái
49	Túi lưới bao trái chần côn trùng (50 x 70 cm)	Chất liệu lưới cước, màu trắng, kích thước 50*70 cm.	Cái
50	Bảng tên cây bằng mica	Kích thước: 20 x 10 cm, độ dày 2 - 5 mm. Phương pháp in: dán decal. Yêu cầu: Khoan 2 lỗ để gắn vít inox 3 - 4 mm.	Cái
51	Vít inox 304 đầu tròn	Chất liệu: Inox 304. Đường kính: 3 - 4 mm. Chiều dài thân đinh: 10 - 14 mm	Cái
52	Ure	Thành phần: Đạm (N): 46,3%; Biurét: 0,99%; Độ ẩm: 0,5%	Kg
53	Kali Clorua	Khối lượng phân tử: $\geq 74,55$ g / mol	Kg
54	Phân hữu cơ vi sinh	Hữu cơ: 15%; Acid Humic: 2,5%; Ca: 1,0%; Bacillus, Azotobacter, Aspergillus: 1×10^6 CFU/g	Bao 10kg
55	Dây điện	Loại: Dây đơn 1 lõi, 7 sợi đồng. Tiết diện 6mm ² . Chất liệu: Ruột đồng vỏ PVC	Mét
56	Vitamin B1	chứa vitamin B1, P2O5 2%; Fe 0,1%, pH: 1	Chai 1 lít

57	Radiant	Thành phần: Spinetoram 60g/l.	Gói 15ml
58	Aliette	Fosetyl Aluminium: 800 g/kg	Gói 100g
59	Quạt thổi tạo ẩm	Quạt chống nước 48v Công suất: 16W Kích thước: 120x120x38mm Trọng lượng: 400g	Cái
60	Daconil 75WP	Chlorothalonil 75% w/w	Gói 100g
61	Dịch trừn quế dành cho cây trồng	Thành phần: Khoáng đa Trung vi lượng: Nito, Phospho, Kali, Magie...; 15 loại acid amin; Hệ Vi sinh Lợi khuẩn: Vi sinh vật cố định đạm, vi sinh vật phân giải lân, vi sinh vật phân giải Xenlulozo; Enzyme phân hủy hữu cơ: Protease...	Can 30 lít
62	Chậu nhựa Ø21	Chậu trồng lan Ø21, màu đen, cứng	Cái
63	Sago-Super 3GR	Thành phần: Chlorpyrifos Methyl 3%	Gói 1kg
64	Siêu bám dính (3 in 1)	Thành phần: Lauryl Alkyl Sulfonet - n: 12%; PVA Plus: 2%; Siêu nhớt và phụ gia vừa đủ 100%	Chai 1 lít
65	Sợi se nông nghiệp	Chất liệu nhựa nguyên sinh PP. Dây treo có màu trắng	Cuộn 3000m
66	Timer	Điện áp vào: 220VAC~240VAC Tần Số: 50 Hz~60Hz Công suất : 20A ~ 1500W, Max 750W (Máy bơm nước), 800W (Đèn compact), 500W (Đèn LED) Thời gian cài đặt tối thiểu: 1 phút Pin nuôi nguồn: 1,2V, trên 100 giờ khi cúp điện Chu kỳ tuần hoàn: 18 Chu kỳ tắt/ mở Pin dự trữ 2 tháng và tự sạc lại sau khi hết Pin, độ bền 3~5 năm. Chế độ ON-AUTO-OFF Khóa màn hình tự động sau 10~15 Giây (để mở màn hình thì bấm 4 lần nút C/R) Thiết kế lắp thanh ray hoặc lắp treo tường.	Bộ
67	Móc treo dây	Chất liệu móc thép: thép 3 ly. Móc được thiết kế làm bằng thép không gỉ sử dụng treo thân cây lên các sợi dây cáp trong nhà màng	Cái

68	Phao cơ chống tràn	Chất liệu: Nhựa ABS. Kích thước: Đầu ren 21mm, 27mm. Lắp đặt: 2 chế độ ống đứng hoặc ống ngang.	Bộ
69	Vôi bột	Hàm lượng Ca(OH) ₂ : 95- 98% (Vôi tinh). Kích thước hạt : < 0,1mm. Tạp chất không tan: < 0,1%	Kg
70	Đèn led	Đèn led: Điện áp đầu vào 220V, Số lượng 180 bóng/m, IP65 . Bảo hành >=2 năm	Cuộn 100m
71	KH ₂ PO ₄	Thành phần: 35% K ₂ O và 52% P ₂ O ₅	Kg
72	Mg(NO ₃) ₂	MgO: 15% (Mg: 9%); N: 11%	Bao 25kg
73	K ₂ SO ₄	Thành phần: K ₂ O: 54%; S: 18% (so ₃ : 46%)	Kg
74	Bassa 50 EC	Thành phần: Fenobucarb 50% (w/w)	Chai 90ml
75	Thuốc trái cà	Thành phần: Emamectin benzoate 6,5% EC; Solvent: 460 g/l; Additive: 460 g/l; Viscosity: 400 cps.	Gói 25ml
76	Bạt lót sàn khô 2,4*4m	Chất liệu nhựa PE, đóng gói dạng cuộn khô ngang 2,4m, chiều dài 400m, độ dày 16 mic	Cuộn 400m
77	Khay ươm cây	Số lỗ: 112. Kích thước: dài 46cm, rộng 52cm, dày 3cm. Chất liệu: xốp (dày, bền, nhẹ). Kích thước lỗ: Mặt trên 2.6cm, mặt dưới 1.4cm	Cái
78	Túi đông bầu (Bao PE)	Chất liệu: nhựa PE. Kích thước 16,5 x 33 cm, Túi 2 mặt bên trong màu đen, ngoài màu trắng.	Kg
79	Phân hữu cơ sinh học Organic	Axit fulvic tổng: 24%; Chất hữu cơ: 38%; Nito hữu cơ: 2%; Axit amin tổng: 8%; Kali hữu hiệu (K ₂ O _{hh}): 4%	Can 10 lít
80	Seaweed	Thành phần: Chất hữu cơ: 36%; Nito: 1.5%; Photpho: 3%; Kali: 20%; Lưu huỳnh: 1.5%; Magie: 0.45%; Bo: 125 ppm; Fe: 200 ppm; Mn: 10 ppm; Cu: 30 ppm; Zn: 65 ppm	Hộp 100g

81	Rock Phosphat	P2O5: $\geq 28\%$; CaO: $\geq 43\%$; SiO2: $\geq 4\%$; Độ ẩm: $\leq 5\%$	Kg
82	Trichoderma	Trichoderma Spp: 1 x 10 ⁸ cfu/g; Bacillus subtilis: 1 x 10 ⁸ cfu/g. Cơ chất cám gạo	Gói 1kg
83	Chế phẩm Organic	Chất hữu cơ: 50%. Đạm tổng số (Nts): 3%. Lân hữu hiệu (P2O5hh): 2%. Kali hữu hiệu (K2Ohh): 2%. Tỷ lệ C/N: 12. pH H2O: 5. Độ ẩm: 25%	Kg
84	Ca(NO3)2.4H2O	Thành phần: N $\geq 15,5\%$; CaO $\geq 26\%$	Kg
85	MgSO4	Thành phần: MgO: 16%; SO3: 32%; Mg: 9,7%; S: 12,8%	Bao 25kg
86	Physan 20 SL	Thành phần: Quaternary Ammonium Salts 20%	Chai 480ml
87	Confidor 100 SL	Imidacloprid: 100g/l	Chai 100ml
88	Abatimec	Hoạt chất Abamectin 3.6 % W/W	Chai 500ml
89	Score	Difenoconazole 250g/L	Chai 50ml
90	Chelated-Fe	Thành phần: 13% Fe	Hộp 1 kg
91	MgSO4.7H2O	Hàm lượng: MgO = 13% (Mg: 7,8%); S = 16%	Kg
92	Bio Neem	Dầu Neem. Chất hữu cơ: 20%; pH H2O: 5,5; Tỷ trọng: 1:1	Chai 500ml
93	Kẹp thân	Chất Liệu Nhựa PE. Màu: Trắng. Đường kính trong: 2.2cm. Đường kính ngoài: 2.5cm	Cái
94	Starner 20 WP	Oxolinic acid 200g/kg	Gói 100g
95	KNO3	Thành phần: N $\geq 13,5\%$;K2O $\geq 46\%$	Kg
96	Chậu đất nung Ø22	Chậu trồng lan Ø22, chất liệu đất nung	Cái
97	Actinovate	Streptomyces WYEC 108 (1x10 ⁷ CFU/gr)	Gói 10g
98	Chậu nhựa Ø4	Chậu trồng lan Ø4, màu đen, cứng	Cái
99	Phân tan chậm 14-14-14	N $\geq 14\%$, P2O5 $\geq 14\%$, K2O $\geq 14\%$	Kg
100	Pesieu 500 SC	Diafenthiuron 500g/l	Chai 100ml

101	Màng phủ nông nghiệp khổ 1,6 m	Bạt trải nền nhà kính nhà màng, Màu đen/trắng kích thước 400*1,6m	Cuộn 400*1,6m
102	Vỏ trấu	Là phần vỏ cứng bên ngoài hạt gạo	m3
103	Chậu nhựa Ø18	Chậu Ø18, màu nâu hoặc trắng, chất liệu nhựa mềm.	Cái
104	Vỏ dừa cắt khúc 3 cm	Vỏ dừa cắt miếng kích thước 2-3 cm. Đã qua xử lý	Kg
105	Chậu nhựa Ø14	Chậu trồng lan Ø14, màu đen, cứng	Cái
106	Phân DAP	Thành phần: Đạm (N) 18% N, Lân (P2O5) 46%	Kg
107	Amara 55 EC	Hoạt chất: Abamectin 50 g/l + Matrine 5 g/l	Chai 480ml
108	Lưới cắt nắng	Chất liệu nhựa HDPE, Độ phủ: 70%. Kích thước (cuộn): 3m x 50m. Màu sắc: Xanh, đen	Cuộn 50m
109	Bảng tên 11x2cm	Chất liệu: Nhựa trắng có lỗ gắn dây treo; dài 11cm, rộng 2cm	Cái
110	Chà le	Thân cứng, chịu lực tốt, không dễ gãy khi cây leo phát triển nặng trái	Cây 2m
111	Ống hút	Phi 8 trong có màng bọc. Nhựa PP cao cấp, an toàn thực phẩm	Bịch 500g
112	Dây kẽm kim tuyến	Chất liệu bên trong là lõi kẽm, bên ngoài được bọc lớp kim tuyến.	Cuộn 100m
113	Phân NPK 20-20-15	Đạm Tổng số (Nts): 20%; Lân hữu hiệu (P2O5hh): 20%; Kali hữu hiệu (K2Ohh):15%; TE (Zn: 50ppm; B: 50ppm)	Kg
114	Chelated-Cu	Thành phần: EDTA Cu 14%	Hộp 1kg
115	Chelated-Mn	Thành phần: 13% Mn	Hộp 1kg
116	Phân bón Humic	Thành phần: Chất hữu cơ: 68%. Tỷ lệ C/N: 12. pH H2O: 6,3. Độ ẩm: 30%.	Gói 1kg
117	Canxi Bo	Thành phần: Bo: 10.000 ppm. Ca: 5%	Chai 100ml
118	Peran 50EC	Thành phần: Permethrin: 50% w/w	Chai 500ml
119	Marshal 200 SC	Hoạt chất: Carbosulfan: 200g/L. Phụ gia: 800g/L	Chai 500ml

120	Chậu treo Ø20	Kích thước 20x15cm, màu trắng, chất liệu nhựa cứng, có móc treo.	Cái
121	Phân bón góc Amino Acids	Thành phần: Hữu cơ: 23%, Axit amin: 26,2%; pH =5, tỷ trọng 1,27	Chai 1 lít
122	Chelated-Zn	Thành phần: 15% Zn	Hộp 1kg
123	Thẻ tên 2,5x11cm	Làm bằng nhựa màu trắng, dài 11cm, rộng 2,5cm, một đầu đục lỗ dùng để móc treo	Bó 10 cái
124	Di-thane	Mancozeb 800g/kg + vi lượng kẽm và Mangan	Gói 1kg
125	Thuốc diệt ốc	Metaldehyde: 12%w/w. Chất dẫn dụ sên và phụ gia: 88%	Lọ 200g
126	Que chống lan	Kích thước 80cm. Loại que bằng thép đặc, bên ngoài bọc nhựa	Bó 10 cây
127	Kẹp bướm lan	Chất liệu: Nhựa. Kích thước: 2 cm	Lổ 50 cái
128	Đất sạch hữu cơ	Thành phần: Mùn hữu cơ, vôi nông nghiệp, trấu hun, mụn xơ dừa, phân trùn quế, phân gà, bột neem,...	Bao 20dm3
129	Bạt dứa (khổ 4m)	Chất liệu: nhựa HDPE. Bạt sọc 3 màu, khổ 4m. Định lượng: 60g/m2.	Mét
130	Ure	Khối lượng mol: 60.06 g/. Mật độ $\geq 1,32$ g/cm ³ . Điểm nóng chảy: 133 °C (406 K)	Chai 500g
131	Mạt cưa cao su	Mùn cưa từ cây cao su	Tấn
132	Rom	Rom khô không lẫn tạp chất. Dạng cuộn	Cuộn 30kg
133	Vôi cục	Dạng cục, màu rất trắng đục, tan trong nước. Hàm lượng CaO: > 90%	Kg
134	Đất sét nung dạng nhỏ	Kích cỡ viên đất nung (sỏi nhẹ): 10-20mm. Thành phần: đất đá nung từ tự nhiên	Kg
135	Thạch cao	Bột thạch cao dùng trồng nấm cần chứa $\geq 93\%$ CaSO ₄ ·0.5H ₂ O	Bao 50kg
136	Bao PP xếp góc chịu nhiệt (làm phôi) 19x37cm	Túi trồng nấm chất liệu PP, trong suốt, bền, chắc, hạn chế bung đáy, có thể hấp ở nhiệt độ cao	Kg

137	Bao PP xếp góc chịu nhiệt (làm meo) 15x25cm	Túi trồng nấm chất liệu PP, trong suốt, bền, chắc, hạn chế bung đáy, có thể hấp ở nhiệt độ cao	Kg
138	Cổ bịch (nhựa)	chất liệu nhựa, có đường kính 3cm, chiều cao 2 cm	Kg
139	Nắp đáy (nhựa)	Nắp nhựa 34 đáy phôi nấm	Kg

3. Các yêu cầu khác

Nhà thầu phải cam kết:

- Cung cấp đúng chủng loại, số lượng theo hợp đồng;
- Chịu trách nhiệm thay thế hàng hóa nếu phát hiện không đạt yêu cầu chất lượng;
- Cung cấp hàng hóa trong vòng 48 giờ (02 ngày) kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Trung tâm.
- Trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng hoặc hạn sử dụng, Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng và yêu cầu nhà thầu thay thế mà không phát sinh chi phí.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra tình trạng, số lượng, nhãn mác và tài liệu kèm theo khi nhận hàng.
- Trường hợp phát hiện hàng hóa không phù hợp yêu cầu kỹ thuật hoặc không bảo đảm hạn sử dụng theo quy định, nhà thầu phải thay thế trong thời gian quy định của hợp đồng.